TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN IA GRAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2018
"V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2018, về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Lê Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N có tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến ngày 22-5-2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Thời gian chung sống với nhau, vợ chồng nãy sinh mâu thuẫn dẫn đến việc cãi vả, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và anh N có tính hay ghen tuông dẫn đến đánh đập chị H. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ U, sinh ngày 03-10-2013. Vợ chồng ly thân, hiện nay con đang sống cùng với anh N. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được quyền nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ U và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con mức 2.000.000 đồng/tháng. Nghề nghiệp hiện tại của chị H là pha chế tại quán cà phê, thu nhập ổn định 6.000.000 đồng/tháng có đủ

khả năng nuôi con theo nguyện vọng. Ngoài ra, anh N hay cản trở việc chị H thăm nom con, anh N hay đi chơi, uống rượu nên chị H không đồng ý giao con cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về chia sản chung: Chị Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Nguyễn Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị H và có tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, đến ngày 22-5-2013 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai như chị H trình bày là đúng. Thời gian chung sống với nhau, vợ chồng cũng có nãy sinh một vài mâu thuẫn nhỏ, nguyên nhân chủ yếu là do chị H không lo tu chí làm ăn, chăm lo cho con, hay có thái độ ngang ngược, hỗn láo với chồng, vợ chồng mâu thuẫn là chị H lại bỏ nhà đi. Ngoài ra chị H còn hay nhắn tin, gọi điện cho người khác giới, có biểu hiện không lành mạnh. Chị H đã bỏ về nhà mẹ để ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hòa giải nhiều lần nhưng chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, đến nay không còn khả năng đoàn tụ nên anh N chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn N và chị Lê Thị H có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ U, sinh ngày 03-10-2013. Vợ chồng ly thân, hiện nay con đang sống ổn định cùng với anh N. Chị H không quan tâm đến con, không có việc làm và thu nhập ổn định nên anh N không chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị H. Anh Nn trực tiếp chăm sóc, giáo dục con và cho con đi học đầy đủ, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con, không có bất cứ hành vi gì ngăn cản việc chị H thăm nom, chăm sóc, giáo dục con như chị H trình bày. Anh N là công nhân nông trường và làm nông cùng gia đình, thu nhập ổn định khoảng 10.000.000 đồng/tháng có đủ khả năng nuôi con. Do vậy, anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh N được quyền tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ U và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con .

- Về chia tài sản chung: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ gồm: Chứng minh nhân dân của chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N (bản sao); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Nguyễn Thị Mỹ U (bản sao); Bản tự khai của chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N; 01 Hợp đồng lao động đề ngày 21-7/2018; 01 Hồ sơ giao nhận khoán sản xuất cà phê; 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Bản phô tô); 02 Hợp đồng kinh tế (bản phô tô); 01 Đơn xin xác nhận; 01 Biên bản xác minh ngày 08-10-2018 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh N; Về con chung: Không chấp nhận yêu cầu của chị H, đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ U cho anh N tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi con thành niên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn ngày 22-5-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị H và anh N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình chung sống với nhau, vợ chồng chị H và anh N nãy sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc cãi vả, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ghen tuông, không tôn trọng lẫn nhau và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau nên không còn khả năng đoàn tụ. Đồng thời tại phiên tòa, chị H và anh N đều thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Mỹ U, sinh ngày 03-10-2013. Vợ chồng ly thân, hiện nay con đang sống cùng với anh Nn.

Xét yêu cầu về con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng chị H và anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, từ thời điểm chị H và anh N sống ly thân đến nay, cháu U đang sống ổn định cùng anh N và được đi học đầy đủ, anh N không có hành vi gì làm ảnh hưởng đến quyền lợi mọi mặt của cháu U. Đồng thời, xem xét về điều kiện kinh tế của cả chị H và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng anh N đã cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh anh N hiện có tài sản, việc làm và thu nhập ổn định hơn chị H. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu được tiếp tục nuôi con của anh N là hoàn toàn chính đáng, có căn cứ và không chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị H.

Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu chị Lê Thị H cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị H là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng các Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn N

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Mỹ U, sinh ngày 03-10-2013 cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Lê Thị H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Mỹ U.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004842 ngày 17-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện G
- UBND xã Y;
- Lưu THA, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Đính